

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Quang	Công	3671031512	16/09/1989	,00	,00	,00	Nợ HP
2	Hồ Đức	Anh	3672050302	10/06/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
3	Đạt Huỳnh	Nghĩa	3771040770	23/10/1995	6,90	4,70	5,40	
4	Kiều Đình	Dũng	3771040778	10/01/1994	7,60	7,00	7,20	
5	Nguyễn Trần Ngọc	Thiện	3771040811	30/01/1994	,00	,00	,00	CT
6	Lê Thị Kiều	Ngọc	3771040829	01/08/1995	4,40	1,40	2,30	
7	Hồ Thanh	Liêm	3771040844	10/11/1994	5,20	1,80	2,80	
8	Lê Nguyễn Đức	Hưng	3771040847	19/05/1995	,00	,00	,00	CT
9	Huỳnh Minh	Tân	3771040850	21/11/1995	6,90	5,90	6,20	
10	Nguyễn Quốc	Khánh	3771040861	09/04/1994	6,20	3,80	4,50	
11	Ninh Văn	Tuấn	3771040901	15/05/1994	7,20	1,40	3,10	
12	Nguyễn Đăng	Phú	3771041008	30/10/1993	,00	,00	,00	CT
13	Trần Huỳnh Thanh	Tâm	3771041009	17/08/1995	5,00	2,00	2,90	
14	Phan Hữu	Phước	3771041013	14/07/1995	,00	,00	,00	CT
15	Phạm Thành	Duy	3771041014	22/03/1995	7,00	5,20	5,70	
16	Nguyễn Chí	Trung	3771041024	25/04/1994	4,20	3,50	3,70	
17	Phạm Thành	Đạt	3771041026	02/06/1995	5,40	2,10	3,10	
18	Bùi Di	Thức	3771041034	05/01/1993	,00	,00	,00	CT
19	Trịnh Chí	Linh	3771041036	14/06/1995	6,20	2,50	3,60	
20	Phạm Hoàng	Thiện	3771041059	06/11/1995	,00	,00	,00	CT
21	Lê Minh	Nhật	3771041097	15/04/1995	4,00	3,70	3,80	
22	Trịnh Văn	Nhân	3771041155	06/01/1995	4,50	1,90	2,70	
23	Hồ Hoàng	Tuấn	3771041223	14/01/1995	4,40	,30	1,50	
24	Thái Đình	Khang	3771041264	10/05/1995	4,00	2,70	3,10	
25	Lương Mạnh	Việt	3771041287	08/11/1995	,00	,00	,00	CT
26	Triệu Thị	Yến	3771041297	14/09/1995	6,10	,50	2,20	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)